

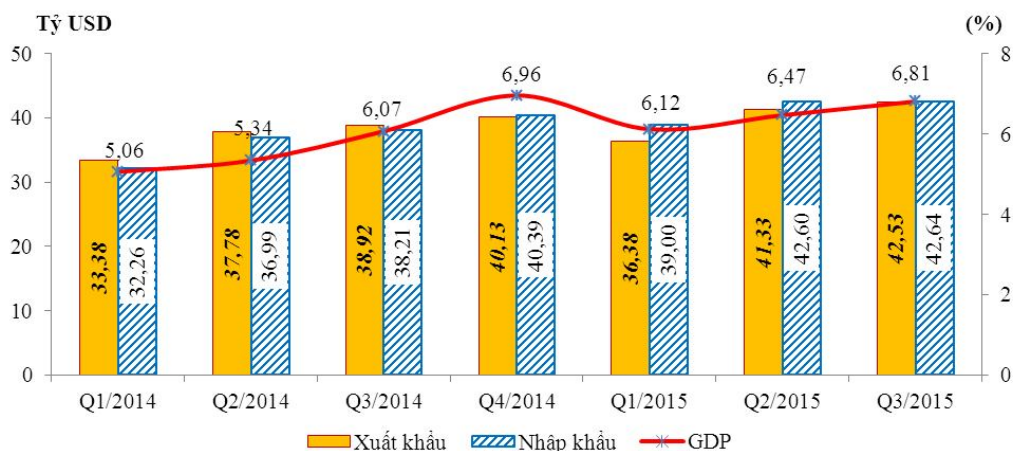
Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 9 và 9 tháng năm 2015

1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 9/2015 đạt 27,85 tỷ USD, giảm 2,7% so với tháng trước. Trong đó xuất khẩu là 13,81 tỷ USD giảm 4,6% so với tháng trước và nhập khẩu là 14,03 tỷ USD, giảm 0,7% nên nhập siêu trong tháng 9/2015 là 221 triệu USD.

Như vậy, sau 3/4 chặng đường của năm 2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước là 244,46 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt gần 120,22 tỷ USD, tăng 9,2% và nhập khẩu đạt 124,25 tỷ USD, tăng 15,6% dẫn đến thâm hụt thương mại hàng hóa trong 9 tháng năm 2015 ở mức 4,03 tỷ USD.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng GDP, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo quý năm 2014 và 9 tháng năm 2015^[1]



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. Xuất nhập khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đóng góp chính vào mức tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước.

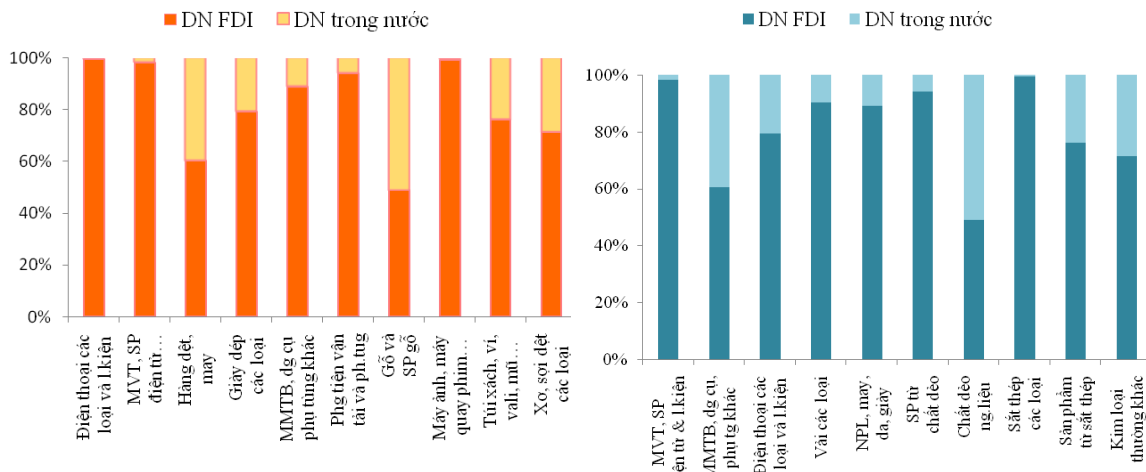
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khu vực FDI trong 9 tháng/2015 đạt 155,34 tỷ USD, tăng 20,8% (tương ứng tăng 26,8 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014; trong đó kim ngạch xuất khẩu là 81,95 tỷ USD, tăng 20,8% và kim ngạch nhập khẩu là 73,4 tỷ USD, tăng 20,8%.

Khu vực doanh nghiệp trong nước đạt 89,12 tỷ USD, nhỉnh hơn 0,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó kim ngạch xuất khẩu là 38,3 tỷ USD, giảm 9,5% và kim ngạch nhập khẩu là 50,85 tỷ USD, tăng 8,8%.

Với kết quả này, tỷ trọng xuất nhập khẩu của khối các doanh nghiệp FDI trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước ngày càng chiếm ưu thế.

Biểu đồ 2: Xuất khẩu một số nhóm hàng chính của khối doanh nghiệp FDI so với DN trong nước 9 tháng/2015

Biểu đồ 3: Nhập khẩu một số nhóm hàng chính của khối doanh nghiệp FDI so với DN trong nước 9 tháng/2015



3. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Kết thúc 3 quý/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 22,1%) và Châu Phi (tăng 17,5%).

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 9 tháng/2015 đạt 159,92 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 41,25 tỷ USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 34,73 tỷ USD, tăng 11,3%; châu Đại Dương đạt 4,43 tỷ USD, giảm 14,4%; châu Phi đạt 4,12 tỷ USD, tăng 17,5%.

Bảng 1: Kim ngạch, tỷ trọng và tốc độ tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam theo châu lục, thị trường/khoảng thị trường 9 tháng năm 2015

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)	So với cùng kỳ 2014 (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)	So với cùng kỳ 2014 (%)
Châu Á	59.132	49,2	5,9	100.784	81,1	14,5
- ASEAN	13.724	11,4	-0,7	17.567	14,1	3,3
- Trung Quốc	12.442	10,3	11,6	36.719	29,6	17,7
- Nhật Bản	10.428	8,7	-5,4	10.863	8,7	18,6
- Hàn Quốc	6.383	5,3	22,8	20.987	16,9	32,6
Châu Mỹ	30.819	25,6	20,2	10.435	8,4	28,3
- Hoa Kỳ	24.760	20,6	19,0	5.983	4,8	29,3
Châu Âu	25.228	21,0	9,1	9.507	7,7	17,8
- EU(27)	22.690	18,9	12,0	8.207	6,6	24,7
Châu Phi	2.498	2,1	11,9	1.625	1,3	27,3
Châu Đại Dương	2.539	2,1	-22,0	1.895	1,5	-1,4
Tổng	120.217	100	9,2	124.247	100	15,6

Ghi chú: Tỷ trọng là tỉ lệ kim ngạch xuất khẩu/nhập khẩu với châu lục, nước/khoảng nước đó so với tổng kim ngạch xuất khẩu/nhập khẩu của Việt Nam.

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- Điện thoại các loại & linh kiện: Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 9/2015 đạt 2,83 tỷ USD, giảm 6,4% so với tháng trước (tương ứng giảm 194 triệu USD), đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2015 lên gần 23 tỷ USD, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm 2014.

EU là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện từ Việt Nam với trị giá đạt hơn 7,6 tỷ USD, tăng 21,2% và chiếm 33,2% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là các thị trường: các Tiểu Vương Quốc Ảrập Thống nhất: 3,56 tỷ USD, tăng 25,2%; Hoa Kỳ: 2 tỷ USD, tăng 118,3%; Đức: 1,35 tỷ USD, tăng 33,3%; Áo: 1,28 tỷ USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2014.

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2015 là 1,36 tỷ USD, giảm 4,3% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 11,35 tỷ USD, tăng 51,5%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,26 tỷ USD, tăng 56%, sang Hoa Kỳ: 2 tỷ USD, tăng 58,8%; Trung Quốc: 1,92 tỷ USD, tăng 25,6%; Hồng Kông: 1,3 tỷ USD, tăng 128%... so với cùng kỳ năm trước.

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trong tháng 9/2015, xuất khẩu đạt gần 707 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2015 lên 5,88 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết 3 quý/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ là 1,17 tỷ USD, tăng 24,9%; sang Nhật Bản: 1,04 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1%; sang Trung Quốc: 521 triệu USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Hàng dệt may: xuất khẩu nhóm hàng dệt may trong tháng 9/2015 đạt gần 2,14 tỷ USD, giảm 6,7% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2015 lên gần 17 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 8,33 tỷ USD, tăng 13,6%; sang Nhật Bản đạt 2,03 tỷ USD, tăng 6%, sang Hàn Quốc đạt 1,54 tỷ USD tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ năm 2014.

- Giày dép các loại: kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 808 triệu USD, giảm 17,8% so với tháng 8/2015. Tính đến hết tháng 9/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 8,75 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,03 tỷ USD, tăng 26,1% và chiếm 34,6% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 12,9%; sang Trung Quốc đạt gần 542 triệu USD, tăng 45,4%; sang Anh đạt 508 triệu USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2014.

- Xơ, sợi dệt các loại: xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt 79,1 nghìn tấn với trị giá 207 triệu USD, giảm 4,4% về lượng và giảm 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt 717 nghìn tấn, tăng 14,5% và trị giá đạt 1,91 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết quý 3/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 370 nghìn tấn, tăng 33,6%; sang Hàn Quốc đạt 53,7 nghìn tấn, tăng 7,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 72,7 nghìn tấn, giảm 10,2%... so với cùng kỳ năm 2014.

- Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù: trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt gần 230 triệu USD, giảm 8,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2015 lên 2,17 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 9 tháng/2015 với 924 triệu USD, tăng 15% so với 9 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá xuất khẩu với 552 triệu USD, tăng 13,7%; Nhật Bản là 231 triệu USD, tăng 11%.

- Gỗ & sản phẩm gỗ: xuất khẩu trong tháng đạt gần 564 triệu USD, giảm 4,5% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng/2015 lên hơn 4,9 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 9/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 1,91 tỷ USD, tăng 18,9%; sang Nhật Bản: 733 triệu USD tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2014...

- Than đá: Xuất khẩu than đá của cả nước trong tháng đạt 141 nghìn tấn, tăng 55% và trị giá đạt 14,8 triệu USD, tăng 93% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, cả nước xuất khẩu 1,42 triệu tấn than đá, giảm mạnh 75,4% và trị giá là gần 151 triệu USD, giảm 65,1% so với cùng kỳ năm 2014.

- Gạo: Trong tháng 9/2015, cả nước xuất khẩu gần 470 nghìn tấn, tăng 1,9%; trị giá đạt 193 triệu USD, giảm 6,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, lượng xuất khẩu gạo là hơn 4,5 triệu tấn, giảm 9,3% và trị giá đạt 1,94 tỷ USD, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 3 quý của năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 1,77 triệu tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 39,2% tổng lượng

xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm mạnh 41% về lượng, đạt gần 666 nghìn tấn; tiếp theo là Malaixia: 422 nghìn tấn, tăng 18,6%; Ghana: 272 nghìn tấn, tăng 12,3%; so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 9/2015 là 86,78 nghìn tấn với trị giá đạt 167 triệu USD, giảm 6,3% về lượng và giảm 10,4% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 966 nghìn tấn, trị giá đạt 1,97 tỷ USD, giảm 30,8% về lượng và giảm 31,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 630 triệu USD, tăng 6,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 3 quý/2015 đạt mức 4,77 tỷ USD, giảm 16,5% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 9 tháng/2015, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam chủ yếu sang các thị trường sau: Hoa Kỳ đạt 927 triệu USD, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm trước; EU: 861 triệu USD, giảm 16,2%; Nhật Bản: 748 triệu, giảm 11,7%; Hàn Quốc: 408 triệu USD, giảm 12,1% so với 9 tháng/2014.

5. Một số mặt hàng nhập khẩu chính

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,26 tỷ USD, tăng 4,2% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 3 quý/2015 lên 20,78 tỷ USD, tăng 29,3% so với 9 tháng/2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 9 tháng qua với trị giá là 6,79 tỷ USD, tăng 21,5%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 3,85 tỷ USD, tăng mạnh 71,6%; Nhật Bản: 3,56 tỷ USD, tăng 34,8%; Đài Loan: 1,1 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,15 tỷ USD, tăng 5,4% so với tháng trước. Tính trong 9 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 17,33 tỷ USD, tăng 31,3%;

Hàn Quốc vẫn là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 5,13 tỷ USD, tăng 40,5%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 3,82 tỷ USD, tăng 15,9%; Nhật Bản: 1,69 tỷ USD, tăng 34%; Đài Loan: 1,59 tỷ USD, tăng mạnh 64,2%; Singapo: 1,49 tỷ USD, giảm 14,3%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt hơn 954 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 9 tháng/2015 lên 8,14 tỷ USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 3 quý/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 5,16 tỷ USD, tăng 14,5% và chiếm 63,5% kim ngạch nhập khẩu của cả nước; Hàn Quốc đạt 2,41 tỷ USD, tăng 87,6%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** nhập khẩu sắt thép trong tháng 9 là 1,26 triệu tấn, trị giá gần 559 triệu USD, giảm 17,4% về lượng và 19,7% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết tháng 9/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 11,16 triệu tấn, tăng 37,7% về lượng, trị giá nhập khẩu là 5,7 tỷ USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 9 tháng qua từ Trung Quốc là hơn 6,7 triệu tấn, tăng mạnh 71,2%; Nhật Bản: 1,88 triệu tấn, tăng 12,4%; Hàn Quốc: 1,29 triệu tấn, tăng 23,5%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 9/2015, cả nước nhập khẩu gần 290 triệu USD, giảm nhẹ 0,9% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là gần 3 tỷ USD, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 9 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,05 tỷ USD, tăng 49,6%; từ Hàn Quốc là hơn 836 triệu USD tăng 80,7% so với cùng kỳ năm trước...

- **Xăng dầu các loại:** lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong tháng đạt 620 nghìn tấn, tăng 8,1%. Tính đến hết 9 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 7,09 triệu tấn với trị giá là 3,97 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng và giảm 35,8% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 9 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 2,82 triệu tấn, tăng 26,3%; Thái Lan: 1,41 triệu tấn, tăng mạnh 203,9%; Trung Quốc: 1,15 triệu tấn, giảm 3,4%.. so với 9 tháng/2014.

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 9/2015 là gần 340 nghìn tấn, trị giá đạt 511 triệu USD, tăng 9,1% về lượng và 3,8% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 2,78 triệu tấn, tăng 9,7%, kim ngạch nhập khẩu là 4,35 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc

đạt 546 nghìn tấn, tăng 18,2%; Ả rập Xê út đạt 556 nghìn tấn, giảm 1,4%; Đài Loan đạt hơn 410 nghìn tấn tăng 9,8%; Thái Lan đạt 274 nghìn tấn, tăng 14,8%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, tăng 5% so với tháng trước. Tính đến hết 9 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 13,7 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 7,49 tỷ USD, tăng 9,1%; nguyên phụ liệu: 3,78 tỷ USD, tăng 9,1%; bông là 1,31 tỷ USD, tăng 17,4% và xơ sợi: 1,14 tỷ USD, giảm nhẹ 1,8%.

TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN

VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2015

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		Xuất khẩu hàng hoá (XK)	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 9/2015 (Triệu USD)	13.814
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 8/2015 (%)	-4,6
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 9/2014 (%)	9,7
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng/2015 (Triệu USD)	120.217
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 9 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	9,2
II		Nhập khẩu hàng hoá (NK)	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 9/2015 (Triệu USD)	14.034
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 8/2015 (%)	-0,7
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 9/2014 (%)	7,8
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 9 tháng/2015 (Triệu USD)	124.247
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 9 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	15,6
III		Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 9/2015 (Triệu USD)	27.848
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 8/2015 (%)	-2,7
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 9/2015 so với tháng 9/2014 (%)	8,7
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 9 tháng/2015 (Triệu USD)	244.463
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 9 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,4
IV		Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 9/2015 (Triệu USD)	221
17	IV.2	Cán cân thương mại 9 tháng/2015 (Triệu USD)	-4.030